| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN T**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 385/2023/DS-ST
Ngày: 14-9-2023
*V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Võ Thị Ngọc Quyền**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông **Nguyễn Văn Bé;**

Bà **Trang Thị Cẩm Nhuần.**

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Phước Thành**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại 02 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T và điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, Tòa án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 320/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2022; về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 418/2023/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 313/2023/QĐST-DS ngày ngày 21 tháng 8 năm 2023; giữa:

***- Nguyên đơn:*** Bà Kim Thị S, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Kim Thị S: Ông Trương Văn M, sinh năm 1986 theo văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 12 năm 2022 (có mặt tại điểm cầu thành phần).

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**- *Bị đơn:*** 1/ Bà Kim Thị N, sinh năm 1972 (vắng mặt không có lý do)

2/ Ông Thạch S1, sinh năm 1970(vắng mặt không có lý do)

Cùng địa chỉ: Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Công chức Tòa án hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần: Ông Đinh Văn D – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện ngày 03-12-2022 (bút lục 02) trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Kim Thị S do anh Trương Văn M làm đại diện trình bày:***

Bà Kim Thị S có tham gia dây hụi số 1 đến dây hụi số 8 và dây hụi số 30 đến dây hụi số 51 hụi tháng 3.000.000 đồng khui ngày 01-12-2019 dương lịch do vợ chồng bà Kim Thị N và ông Thạch S1 làm đầu thảo; chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, bà N có giao danh sách hụi viên cho các hụi viên theo dõi, mỗi dây hụi này có 16 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 900.000 đồng/lần hốt, hụi khui theo tháng, 01 tháng khui 01 lần, trong dây hụi này bà Kim Thị S tham gia cụ thể như sau:

Dây số 1 đến dây số 8 bà S còn hụi sống nhưng bà S không có kiện bà N vì để cấn trừ vào các dây hụi số 32, 33, 38, 39, 40 và 50 khui cùng ngày 01-12-2019 dương lịch mà bà S đã hốt của bà N. Đồng thời các dây hụi bà S khởi kiện gồm 30, 31, 34, 35, 36, 37, 39, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 51 đã đóng cụ thể như sau:

Dây số 30 bà S đóng được 06 lần số tiền hụi sống là 5.630.000 đồng;

Dây số 31 bà S đóng được 06 lần số tiền hụi sống là 5.640.000 đồng;

Dây số 34 bà S đóng được 06 lần số tiền hụi sống là 5.930.000 đồng;

Dây số 35 bà S đóng được 06 lần số tiền hụi sống là 5.960.000 đồng;

Dây số 36 bà S đóng được 06 lần số tiền hụi sống là 5.950.000 đồng;

Dây số 37 bà S đóng được 06 lần số tiền hụi sống là 6.050.000 đồng;

Dây số 39 bà S đóng được 06 lần số tiền hụi sống là 6.060.000 đồng;

Dây số 41 bà S đóng được 06 lần số tiền hụi sống là 5.650.000 đồng;

Dây số 42 bà S đóng được 06 lần số tiền hụi sống là 5.640.000 đồng;

Dây số 43 bà S đóng được 06 lần số tiền hụi sống là 5.620.000 đồng;

Dây số 44 bà S đóng được 06 lần số tiền hụi sống là 5.650.000 đồng;

Dây số 45 bà S đóng được 06 lần số tiền hụi sống là 5.840.000 đồng;

Dây số 46 bà S đóng được 06 lần số tiền hụi sống là 5.850.000 đồng;

Dây số 47 bà S đóng được 06 lần số tiền hụi sống là 5.660.000 đồng;

Dây số 48 bà S đóng được 06 lần số tiền hụi sống là 5.710.000 đồng;

Dây số 49 bà S đóng được 06 lần số tiền hụi sống là 5.870.000 đồng;

Dây số 51 bà S đóng được 06 lần số tiền hụi sống là 5.890.000 đồng;

Tổng cộng bà S đã đóng cho bà N 98.600.000 đồng đối với 17 dây hụi sống nói trên. Tuy nhiên sau khi bà N và S đối chiếu với nhau thì phát hiện bà S có hốt các dây hụi số 32, 33, 38, 39, 40 và 50 khui cùng ngày và vẫn chưa trả vốn cho các hụi viên còn sống nên bà S đã thống nhất không khởi kiện bổ sung các dây hụi sống số 1 đến số 8 và rút lại một phần đơn khởi kiện đối với các dây hụi số 30, 41, 42, 43, 44. Do đó hiện nay bà S yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Kim Thị N và ông Thạch S1 phải trả cho bà số tiền 70.410.000đ tiền hụi vốn gốc 06 lần đóng cho các dây hụi số 31, 34, 35, 36, 37, 39, 45, 46, 47, 48, 49, 51 loại hụi tháng 3.000.000 đồng ngày mở hụi là 10/12/2019 dương lịch. Bà S không yêu cầu tính lãi.

***Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết bị đơn bà Kim Thị N trình bày:***

Bà thừa nhận có làm đầu thảo hụi dây hụi số 1 đến số 51 loại hụi 3.000.000 đồng khui vào ngày 01-12-2019 dương lịch; chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, bà có giao danh sách hụi viên cho các hụi viên theo dõi, mỗi dây hụi này có 16 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 900.000 đồng/lần hốt, hụi khui theo tháng, 01 tháng tháng khui 01 lần, trong mỗi dây hụi này bà Kim Thị S tham gia 01 phần và đã đóng được 06 lần (dây 1 đến dây 8, dây 30 đến dây 51). Đến lần khui thứ 7 thì bà úp hụi không khui nữa nên bà S vẫn chưa hốt các dây hụi từ số 1 đến số 8; số 30, 31, 34, 35, 36, 37, 39, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 51. Bà S có hốt dây hụi số 32, 33, 38, 39, 40 và 50 khui cùng ngày. Tổng cộng bà S đã đóng cho bà 06 lần hụi sống tất cả các dây hụi tổng số tiền 145.910.000 đồng. Nhưng do bà S còn nợ bà trong dây hụi 32, 33, 38, 39, 40 và 50 khui cùng ngày số tiền phải đóng lại là 75.300.000 đồng. Nên trong tất cả dây hụi này bà chỉ nợ bà S số tiền là 70.410.000 đồng.

***Bị đơn ông Thạch S1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải hai lần vào các ngày 06-3-2023 và 17-6-2023 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.***

**Những vấn đề các bên đương sự thống nhất**

Bà Kim Thị N thừa nhận nợ bà Kim Thị S số tiền đóng hụi 06 lần hụi sống là 70.410.000 đồng đối với tất cả dây hụi số 1 đến dây hụi số 8 và dây hụi số 30 đến dây hụi số 51 hụi tháng 3.000.000 đồng khui ngày 01-12-2019 dương lịch.

**Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:**

Bà Kim Thị S bà S yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Kim Thị N và ông Thạch S1 phải trả cho bà số tiền 70.410.000đ tiền hụi vốn gốc 06 lần đóng cho các dây hụi số 31, 34, 35, 36, 37, 39, 45, 46, 47, 48, 49, 51 loại hụi tháng 3.000.000 đồng ngày mở hụi là 01-12-2019 dương lịch. Bà S không yêu cầu tính lãi. Bà N thống nhất nhưng ông S1 không có ý kiến trình bày.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 468 và 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi biêu phường và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Vị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị S. Buộc bà Kim Thị N và ông Thạch S1 trả tiền hụi mà bà Kim Thị S đã đóng tổng cộng 70.410.000 đồng. Buộc các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn bà Kim Thị S khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi". Đồng thời bị đơn bà Kim Thị N và ông Thạch S1 cư trú tại ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên xác định đây là vụ án dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Kim Thị N và ông Thạch S1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần 2 nhưng bà N và ông S1 vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt bà Kim Thị N và ông Thạch S1.

[2] *Về nội dung*:

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Kim Thị S yêu cầu bà Kim Thị N và ông Thạch S1 trả cho bà số tiền 70.410.000đ tiền hụi vốn gốc 06 lần đóng cho các dây hụi số 31, 34, 35, 36, 37, 39, 45, 46, 47, 48, 49, 51 loại hụi tháng 3.000.000 đồng ngày mở hụi là 01-12-2019 dương lịch. Bà S không yêu cầu tính lãi.

Xét hợp đồng góp hụi giữa bà S và bà N, ông S1 là có thật. Trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2020 bà N làm chủ hụi của rất nhiều dây hụi, loại hụi khác nhau trong đó có các dây hụi số 1 đến 51 loại hụi 3.000.000 đồng khui lần đầu vào ngày 01-12-2019 dương lịch sau đó khui theo tháng có bà Kim Thị S tham gia 01 phần. Sau khi đóng hụi sống được 06 lần đến lần khui thứ 7 thì bà N úp hụi. Sau khi úp hụi đáng lẽ bà N và ông S1 phải có nghĩa vụ thanh toán tiền hụi sống cho các hụi viên đã tham gia góp hụi, nhưng ông bà không thực hiện nghĩa vụ của chủ hụi đối với hụi viên khi có yêu cầu, nên bà N và ông S1 đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi đối với hụi viên còn sống. Việc vi phạm này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà S nên bà S khởi kiện bà N và ông S1 là có căn cứ.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã ban hành quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 24/QĐ-YCCCTLCC và công văn số 24/CV-TA cùng ngày 15-5-2023 yêu cầu ông Thạch S1 và bà Kim Thị N cung cấp bản tự khai thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông, bà đối với đơn khởi kiện của bà S và các chứng cứ để Tòa án xem xét. Đồng thời gởi kèm theo đơn khởi kiện và danh sách hụi viên do bà S nộp để yêu cầu bà N và ông S1 đối chiếu danh sách hụi viên, số tiền nguyên đơn đã đóng hụi sống cho bà N và ông S1 để ông, bà có thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được công văn phải có văn bản phản hồi cho Tòa án nếu đối chiếu thấy số tiền nguyên đơn khởi kiện không đúng. Trong công văn còn nói rõ "Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được các văn bản này hoặc được niêm yết hợp lệ tại nhà, nếu ông Thạch S1 và bà Kim Thị N và không đến Tòa án trình bày, không giao nộp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình hoặc không có ý kiến phản đối bằng văn bản, coi như thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn" (bút lục 94 và 95). Tất cả các văn bản trên đều được tống đạt hợp lệ cho bà N và ông S1 nhưng đến hôm nay ông S1 vẫn không đến Tòa để trình bày ý kiến hay có văn bản phản hồi liên quan đến dây hụi mà bà Kim Thị S khởi kiện. Đồng thời mặc dù người trực tiếp đứng ra giao dịch với hụi viên là bà N, tuy nhiên việc giao dịch diễn ra trong thời kỳ hôn nhân, tiền huê hồng đầu thảo của bà N cũng phục vụ sinh hoạt và kinh tế gia đình, ông S1 cũng không phản đối việc bà N làm chủ hụi. Do đó căn cứ quy định Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì ông S1 cũng phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà N trong giao dịch hụi này.

Bên cạnh đó bà N có đến Tòa và có lời khai (bút lục 99) xác nhận việc nợ hụi như bà S trình bày là đúng nhưng bà yêu cầu cấn trừ phần hụi trong dây hụi này với các dây hụi 3.000.000 đồng do Tòa án nhân dân huyện T (thẩm phán khác) đang thụ

lý, giải quyết bằng một vụ án khác. Đồng thời bà S và bà N cũng đang tranh chấp đối với dây hụi mà bà N cho rằng bà S đã hốt chưa đóng lại, bà S không thừa nhận hốt những dây hụi đó và không đồng ý cấn trừ nên không thể xem xét cấn trừ trong vụ án này. Mặc khác theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Việc bà N thừa nhận nợ 70.410.000 đồng hụi sống của bà S là tình tiết bà S không cần chứng minh thêm.

Đồng thời nguyên đơn bà Kim Thị S cung cấp được 17 danh sách hụi viên của dây hụi và mỗi dây có xác nhận của 02 hụi viên cùng tham gia chơi chung dây hụi này. Từ những căn cứ trên cho thấy việc bà S có chơi hụi như bà trình bày là có thật, số tiền đóng hụi sống đã được nêu trong công văn tống đạt cho bà N và ông S1 nhưng không có phản hồi là số tiền đó không đúng. Do đó yêu cầu của bà S về việc buộc bà N và ông S1 trả tiền hụi mà bà đã đóng tổng cộng bằng 70.410.000 đồng (Loại hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 01-12-2019 dương lịch, dây hụi số 31, 34, 35, 36, 37, 39, 45, 46, 47, 48, 49, 51) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở nhận định trên và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kim Thị S; Buộc bà Kim Thị N và ông Thạch S1 trả tiền hụi mà bà đã đóng tổng cộng bằng 70.410.000 đồng.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn bà Kim Thị N và ông Thạch S1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà Kim Thị S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 92, 147 và Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi biêu phường;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị S.

**2**. Buộc bà Kim Thị N và ông Thạch S1 trả cho bà Kim Thị S số tiền hụi vốn gốc là 70.410.000 đồng (Bảy mươi triệu bốn trăm mười nghìn đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

**3**. Về án phí: Bị đơn bà Kim Thị N và ông Thạch S1 phải chịu toàn bộ án phí 3.520.500 đồng.

Bà Kim Thị S không phải chịu án phí. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.322.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0014364 ngày 05-12-2022; của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh cho bà Kim Thị S.

**4. Về quyền kháng cáo:** Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Ngọc Quyền**